

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 107/2023/HSST
Ngày: 19 tháng 12 năm 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hà;

2. Ông Quách Hà Vính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Minh Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 103/2023/HSST, ngày 10 tháng 11 năm 2023 và theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2023/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 12/10/1956, tại **xã M, huyện H, Thanh Hóa**.

Nơi cư trú: **Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/10; con ông: **Nguyễn Văn Q** (Đã chết) và bà: **Nguyễn Thị N** (Đã chết); vợ: **Vũ Thị Đ** - Sinh năm: 1957; bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1976, con nhỏ nhất sinh năm 1984.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/10/2023 đến ngày 05/10/2023 được huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị **Quách Thị M**; sinh năm 1983

Địa chỉ: **Khu A thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Anh **Bùi Đức T1**; sinh năm 1995

Địa chỉ: **thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**

- Anh **Vũ Văn D**; sinh năm 1973

Địa chỉ: **thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.**

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T sinh năm 1956 trú tại **thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**, hiện đang kinh doanh phòng trọ cho khách có nhu cầu thuê phòng nghỉ tại nơi cư trú của mình. Vào khoảng giữa tháng 9 năm 2023 trước thời điểm xảy ra vụ việc, **Quách Thị M** sinh năm 1983, trú tại **khu phố A, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** đến khu nhà trọ của **T** gặp và trao đổi, đề nghị với **T** khi có khách cần tìm gái bán dâm, thì **T** sẽ gọi cho **M** số thuê bao 0867.196.066, mỗi lần bán dâm cho khách **M** sẽ lấy số tiền là 200.000 đồng thì **T** đồng ý. Đến khoảng 15 giờ chiều ngày 03/10/2023 **Vũ Văn D** sinh năm 1973, trú tại **thôn T, xã T, huyện T**, đi cùng xe với **Bùi Đức T1** sinh năm 1995, trú **thôn M, xã T, huyện T**, đến khu nhà trọ của **T** với mục đích tìm gái bán dâm. Khi đến **D** hỏi “Ông có đưa nào không, gọi cho thằng này một đứa” (ý của **D** là hỏi gái bán dâm có hay không để **T1** mua dâm), **T** trả lời **D** “Hôm nọ có đưa để lại số điện thoại ở đây, không biết có gọi được không”. **T** sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A03 gắn số thuê bao 0865.588.021 để gọi đến số thuê bao 0867.196.066 của **Quách Thị M** và nói “Có rồi không thì xuống dưới này”. Nghe và hiểu ý của **T** muốn nói là khách muốn mua dâm, nên khi nghe **T** nói “Ừ, có một khách”, thì **M** đồng ý và đã nói lại “Vâng, tý cháu xuống”. Sau khi gọi cho **M** xong thì **Nguyễn Văn T** nói với **T1** là “tý nó xuống” (nghĩa là một lát nữa gái bán dâm đến). Lúc này, **T1** hỏi và được **T** cho biết số tiền mua dâm là 250.000 đồng, **T1** đồng ý và đưa cho **Nguyễn Văn T** số tiền 250.000 đồng, gồm 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng. Sau khi nhận đủ số tiền thì **T** bảo **T1** vào phòng số 104 của dãy nhà trọ để đợi Mỹ đến. Khoảng 15 phút sau, thì thấy **M** đi một mình đến, thì **Nguyễn Văn T** bảo **M** vào phòng số 104 của dãy nhà trọ để bán dâm cho **T1**. **T** cũng cho **M** biết là đã thu tiền của khách, khi bán dâm xong sẽ đưa cho **M** số tiền là 200.000 đồng như đã thỏa thuận trước đó, rồi cùng với **D** tiếp tục ngồi uống nước tại khu vực sân dãy nhà trọ. Đến 15 giờ 45 phút cùng ngày, khi **Bùi Đức T1** và **Quách Thị M** đang quan hệ tình dục với nhau tại phòng 104 thì bị

Tổ công tác Công an huyện T phối hợp Công an xã T, huyện T tiến hành kiểm tra hành chính phát hiện, bắt quả tang. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn T về hành vi Chứa mại dâm và thu giữ trên người T số tiền 300.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A03 gắn số thuê bao 0865.588.021 của T, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Itel gắn số 0867.196.066 của Mỹ.

Tiến hành khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của T nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì khác liên quan đến vụ án. Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện T, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Trong đó, T là người trực tiếp thu tiền người mua dâm là 250.000 đồng, sau khi mua bán dâm T sẽ đưa cho M số tiền 200.000 đồng, số tiền còn lại Nguyễn Văn T sẽ hưởng.

Đối với Vũ Văn D là người đi cùng Bùi Văn T2, đặt vấn đề mua bán dâm với Nguyễn Văn T, tuy nhiên bản thân D không có động cơ vụ lợi và không giúp sức cho T từ việc tổ chức mua bán dâm cho T2 và M tại nhà trọ của T, cũng không tham gia vào việc mua dâm, do đó không có căn cứ để xử lý đối với D.

Trong vụ án này, Quách Thị M là người bán dâm, Bùi Văn T2 là người mua dâm, Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với M và T2 theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh T giám định Kỹ thuật số điện tử, khôi phục toàn bộ dữ liệu điện tử liên quan, trong 02 chiếc điện thoại di động đã tạm giữ của T và Mỹ. Tại Bản kết luận giám định số: 3921/KL-KTHS ngày 27/10/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: Không tìm thấy dữ liệu đã xóa trong các điện thoại gửi giám định.

Xác minh điều kiện kinh tế, thu nhập của Nguyễn Văn T, xác định bản thân bị cáo không có công việc, thu nhập không ổn định. Ngoài dãy nhà nghỉ trọ gồm 05 phòng là tài sản chung của gia đình, bị cáo không có tài sản chung và tài sản riêng nào khác.

Về tang vật:

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03 màu đen, kiểu máy SM-A03F/DS, có IMEI 1 350538285889643; IMEI 2 359923675889646 gắn số thuê bao 0865.588.021 của Nguyễn Văn T; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iTel, có vỏ màu xanh, có số IMEI 1 358193886044644, số IMEI 2 358193886044651, gắn số thuê bao 0867.196.066 của Quách Thị M và số tiền 300.000 đồng hiện đang được bảo quản tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 104/CT-VKSTT ngày 10/11/2023, viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo **Nguyễn Văn T** về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn văn T3** phạm tội “Chứa mại dâm”. Đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** từ 18 đến 21 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 42 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về hình phạt tiền bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo **Nguyễn văn T3**

- Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03 màu đen của **Nguyễn Văn T**;

+ Đối với số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

+ Trả lại cho **Quách Thị M** 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iTel, có vỏ màu xanh;

- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho **Nguyễn Văn T**

Phản tranh tụng tại phiên tòa:

Bị cáo **Nguyễn văn T3**, không có ý kiến tranh luận với kiểm sát viên.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày do tuổi cao, ốm đau thường xuyên nên xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và được cải tạo tại địa phương để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện T**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Văn T** thành khẩn nhận tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03/10/2023, tại phòng 104 dãy nhà trọ do **Nguyễn Văn T**

quản lý ở thôn M, xã T, Nguyễn Văn T đã bố trí cho Quách Thị M bán dâm cho Bùi Đức T1. Khi Quách Thị M và Bùi Đức T1 đang quan hệ tình dục với nhau nhằm mục đích thu tiền bất chính. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” được quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành truy tố bị cáo về tội “Chứa mại dâm” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Tính chất vụ án là nghiêm trọng do Nguyễn Văn T thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, đạo đức, thuần phong, mỹ tục và nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa; xâm phạm sức khỏe, phẩm giá của con người, ảnh hưởng xấu đến trật tự an xã hội trên địa bàn. Để pháp luật được thực thi, trật tự an toàn xã hội được duy trì; để giáo dục người phạm tội, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của Bộ luật hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo là người tham gia quân đội và tham gia nhiệm vụ Quốc tế tại nước bạn Lào, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, những tình tiết này cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Nguyễn Văn T khi phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; sau khi phạm tội đã tỏ ra ăn năn hối cải với lỗi lầm đã mắc phải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ để cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[6]. Đối với Quách Thị M đã có hành vi bán dâm, Bùi Đức T1 đã có hành vi mua dâm. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã chuyển hồ sơ, tài liệu có liên quan đến Công an huyện T để xử phạt vi phạm hành chính Quách Thị M và Bùi Đức T1 là đúng quy định của pháp luật.

[7]. Đối với Vũ Văn D là người đi cùng Bùi Văn T2, đặt vấn đề mua bán dâm với Nguyễn Văn T, tuy nhiên bản thân D không có động cơ vụ lợi và không giúp sức cho T từ việc tổ chức mua bán dâm cho T2 và M tại nhà trọ của T, cũng không tham gia vào việc mua dâm, do đó không xử lý đối với D là đúng quy định của pháp luật.

[8]. Về vật chứng:

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ hai chiếc điện thoại của **Nguyễn Văn T** và Quách thị Mỹ. Chiếc điện thoại của bị cáo **T** là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 300.000 đồng (Trong đó tiền riêng của bị cáo **T** là 50.000 đồng và tiền do **T** phạm tội mà có là 250.000 đồng). Tại phiên tòa bị cáo **Nguyễn Văn T** tự nguyện không nhận lại số tiền 50.000 đồng mà đề nghị nộp Ngân sách nhà nước, đây là sự tự nguyện của bị cáo, nên cần thu và tịch thu sung quỹ nhà nước toàn bộ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chiếc điện thoại của chị **Quách thị M1**, không phải là phương tiện phạm tội, nên cần trả lại cho chị **M1** là đúng quy định của pháp luật.

[9]. Về hình phạt tiền bổ sung: Quá trình điều tra, xác minh điều kiện tài sản hiện tại, xác định bị cáo có tài sản chung với vợ nhưng giá trị không lớn, thu nhập của bị cáo thấp (Có xác nhận điều kiện kinh tế khó khăn của **Ủy ban nhân dân xã T**), nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[11]. Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi, nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “Chứa mại dâm”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 18 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 19/12/2023).

Giao bị cáo **Nguyễn Văn T** cho **Ủy ban nhân dân xã T**, **huyện T**, **tỉnh Thanh Hóa** giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68, Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03 màu đen của **Nguyễn Văn T**;

+ Trả lại cho chị **Quách Thị M** 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iTel, có vỏ màu xanh.

(02 chiếc điện thoại trên được chứa trong 01 phong bì do **công an huyện T** phát hành, mặt trước có ghi “**Nguyễn Văn T** - Chưa mai dâm”, được dán kín niêm phong có chữ ký của **Quách Thị M**, **Nguyễn Văn T**, **Cao Tuấn A** và 4 hình dấu tròn đỏ giáp lai).

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) là tiền **Nguyễn Văn T** thu lợi bất chính và tiền bị cáo tự nguyện sung quỹ Nhà nước. (Hai khoản tiền trên được chứa trong 01 phong bì do **công an huyện T** phát hành, mặt sau có giấy niêm phong có chữ ký ghi rõ họ tên của **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Minh T4**, **Nguyễn Thị H**, **Nguyễn Hữu L**, **Lê Hữu K** và các hình dấu tròn đỏ giáp lai.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản giữa cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện T** và chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành ngày 21/11/2023).

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; điểm đ Điều 12, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Nguyễn Văn T** (Bị cáo là người cao tuổi).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Quách Thị M**. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị **Quách Thị M** có quyền kháng cáo phần liên quan đến tài sản của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Thạch Thành;
- Công an huyện Thạch Thành
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Tuấn

